TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2025
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Mai – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số79/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Nh, Sinh năm 1980 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp Gành H, xã Hoà T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1976 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp Gành H, xã Hoà T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Võ Thị Nh trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:*

- Chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L sống chung với nhau năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, hiện anh, chị đã không sống chung với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị Võ Thị Nh xin ly hôn với với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ, chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Văn Tr, Sinh năm 2002, Nguyễn Văn V, Sinh ngày 16/4/2008, Nguyễn Thảo D, Sinh ngày 16/01/2015. Đối với cháu Tr đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Khi ly hôn chị Nh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con cháu Vàng và cháu D, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn L trình bày tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

-Về hôn nhân: Vợ, chồng sống chung năm 2001, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cải. Nay chị Nh yêu cầu ly hôn thì anh Lập đồng ý.

-Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 24/8/2002, cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/4/2008; cháu Nguyễn Thảo D, sinh ngày 16/01/2015, khi ly hôn cháu Tr trưởng thành không đặt ra cấp dưỡng, đối với cháu V và D, anh L đồng ý giao con cho chị Nh nuôi, anh L không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là "Không công nhận vợ chồng".

[3] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 2001 cho đến nay; tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị Nh xin ly hôn là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm giữa anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Đối với trình bày của anh L tại bản tự khai vợ, chồng có đăng ký kết hôn tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Chứng cứ có tại hồ sơ gồm văn bản ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do chị Nhung cung cấp cho Tòa án xác định chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn không ghi ngày tháng năm đăng ký trong giấy chứng nhận kết hôn. Qua tra cứu sổ bộ hộ tịch lưu thì không có sổ bộ lưu của chị Nh và anh L. Do đó chị Nh và anh L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên lời trình bày của anh L là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 24/8/2002, cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/4/2008; cháu Nguyễn Thảo D, sinh ngày 16/01/2015, khi ly hôn cháu Tr trưởng thành không đặt ra cấp dưỡng, đối với cháu V và D, chị Nh yêu cầu nuôi 02 cháu. Xét thấy các cháu hiện sống cùng với chị Nh và có ý kiến muốn sống cùng với chị Nh, đồng thời anh L đồng ý giáo các cháu cho chị Nh nuôi. Do đó tiếp tục giao các cháu cho chị Nh nuôi, anh L không cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[6] Về nợ chung: Không có;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8,14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/4/2008; cháu Nguyễn Thảo D, sinh ngày 16/01/2015 cho chị Nh nuôi, không cấp dưỡng. Đối với cháu Tr trưởng thành không đặt ra yêu cầu.

Anh L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh, chị khai không có nợ ai và không ai nợ lại.
- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị Nh phải nộp 300.000 đồng. Ngày 13/02/2025, chị Nh đã dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0010290 được chuyển thu sung quỹ Nhà nước;

Án xử công khai chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ;*
- *UBND xã Tân Thành, tỉnh Cà Mau;*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau.*